

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 115/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-12-2023

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị H và anh H”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hình;

Bà Phạm Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 2000; Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An;

Bị đơn: Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(chị H, anh H1 xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, Bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1 đăng ký kết hôn với nhau ngày 05-5-2021 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị H thuê nhà trọ tại phường C, quận B, Hà Nội để ở và làm việc còn anh H1 công tác tại Trung đoàn cơ động cảnh sát Thủ đô tại S, Hà Nội. Cuối tuần hoặc khi nào rảnh anh H1 về thăm chị H. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, anh H1 sống buông thả không có trách nhiệm, không quan tâm vợ con. Mặt khác, gia đình anh H1 không tôn trọng chị, khi chị sinh con không được sự giúp đỡ của chồng và gia đình nhà chồng chỉ có bố mẹ đẻ chị chăm sóc. Sau khi sinh con được 10 ngày gia đình anh H1 có đón chị và con về nhà bố mẹ anh H1 để ở nhưng được 20 ngày do không chịu được cách sống của anh H1 cũng như gia đình anh H1 nên chị H đã đưa con trở về nhà bố mẹ đẻ chị để ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm của chị đối với anh H1 không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H1. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị và anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Gia H2, sinh ngày 03-01-2022. Hiện nay con chung đang ở cùng chị H, từ khi vợ chồng sống ly thân, anh H1 không quan tâm đến con và cũng không cấp dưỡng gì cho con. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng tiếp tục nhận nuôi con do con còn dưới 36 tháng tuổi và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08-11-2023, bị đơn anh Phạm Văn H1 có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân. Theo anh H1 vợ chồng sống không hòa thuận hạnh phúc hay xảy ra xích mích cãi chửi nhau, nguyên nhân do tính tình quan điểm sống không hòa hợp. Mặt khác, do anh H1 công tác tại Hà Nội còn chị H sau khi sinh con ở nhà cùng với bố mẹ đẻ anh H1, chị H có nghi ngờ anh H1 thay đổi tình cảm với chị nên tháng 02-2022 chị H bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị H để ở. Anh H1 và gia đình có khuyên bảo động viên nhiều lần nhưng chị H không quay về. Do thời gian xa cách lâu dần đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02-2022 cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh, anh H1 cũng xác định không còn tình cảm với chị H nên anh cũng nhất trí ly hôn với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung, anh H1 cũng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Gia H2, sinh ngày 03-01-2022, hiện nay con chung đang ở cùng chị H, khi ly hôn anh cũng đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung vì hiện nay con còn nhỏ, anh H1 sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H theo khả năng của anh. Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Anh H1 xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H và anh H1 đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị H và anh H1 tại nơi cư trú: Đại diện Ủy ban nhân dân xã N cho biết chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1 có đăng ký kết hôn ngày 05-5-2021 tại Ủy ban nhân dân xã N. Hiện nay chị H không sinh sống tại địa phương, anh H1 chị H có 01 con chung hiện con chung đang ở cùng chị H, quá trình chung sống vợ chồng anh H1 chị H mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm rõ. Nay chị H anh H1 nộp đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1.

Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Gia H2, sinh ngày 03-01-2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H và có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H, anh H1 xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1 có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 05-5-2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hòa hợp nên vợ chồng hay xảy ra xích mích. Thời gian chị H sinh con sống cùng bố mẹ anh H1 tại N còn anh H1 công tác tại Hà Nội, chị H nhận thấy anh H1 có dấu hiệu không chung thủy nhấn tin với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, tình cảm vợ chồng từ đó lạnh nhạt, không còn hạnh phúc và gia đình anh H1 không tôn trọng chị. Từ tháng 02-2022 vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ, tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh H1, anh H1 cũng xác định không còn tình cảm với chị H nên cũng nhất trí ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc chị H nhận thấy giữa chị và anh H1 tính tình và quan điểm sống không hợp, anh H1 có dấu hiệu không chung thủy, không quan tâm đến gia đình, tình cảm vợ chồng từ đó lạnh nhạt, không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ tháng 02-2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh H1. Mặt khác, anh H1 cũng xác định không muốn tiếp tục chung sống với chị H do không còn tình cảm nên anh nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Phạm Gia H2, sinh ngày 03-01-2022. Từ khi vợ chồng ly thân thì con chung do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay và nguyện vọng của hai bên thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung vẫn do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Nay ly hôn, chị H đề nghị tiếp tục được nuôi con chung, anh H1 nhất trí. Vì vậy,

cần tiếp tục giao cháu Phạm Gia H2 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và không buộc anh H1 cấp dưỡng nuôi con cho chị H (do chị H không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị H và anh H1 đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Hoàng Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Gia H2, sinh ngày 03-01-2022 cho chị Hoàng Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh Phạm Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000589 ngày 09-10-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nam Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hình

Phạm Hồng Minh